CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Thương mại DIC

Ngày 30/06/2025	900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	-	-

DT thuần
Q2/25
5.88
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.11| 23.3%
YoY: ▼2.51| -29.9%

LN thuần
Q2/25
1.69
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.57| 51.3%
YoY: ▲ 25.6| 107%

LN sau thuế
Q2/25
1.00
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.06| -6.1%
YoY: ▲ 24.6| 104%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
18.3%
YoY: +/-▼ 3.8%

ROE (TTM)
Q2/25
-36.4%
YoY: +/-▼ 32.2%

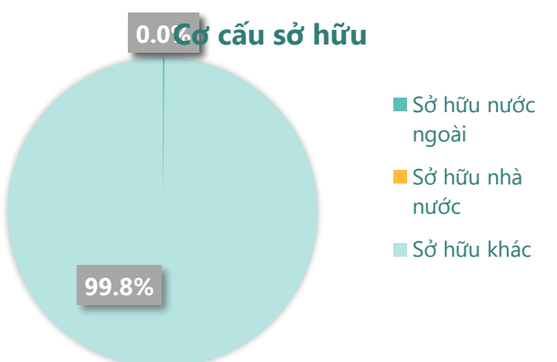
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	900 - 1,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	23
Số lượng CPLH (CP)	26,084,560
KLGD BQ 20 phiên (CP)	23,295
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.42
EPS	1,046
P/E	0.9

DT thuần
6T 2025
10.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.60| -34.8%

LN thuần
6T 2025
2.82
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 35.5| 109%

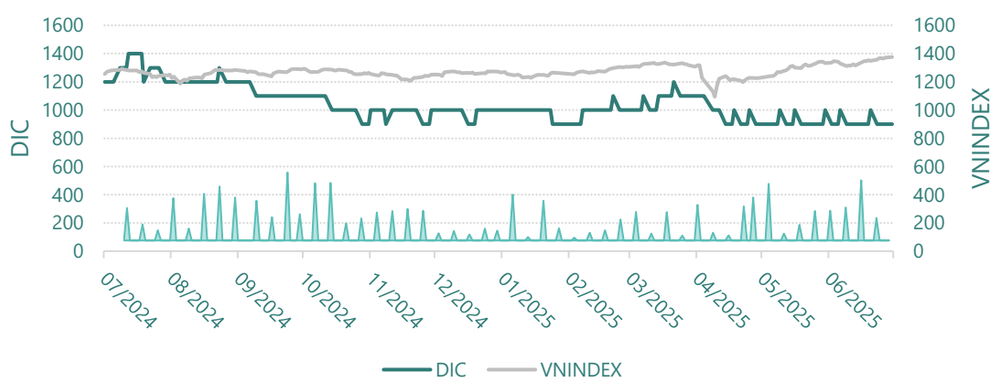
LN sau thuế
6T 2025
2.05
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 34.7| 106%

Cơ cấu sở hữu

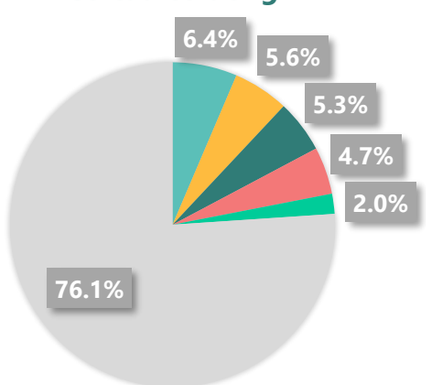


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

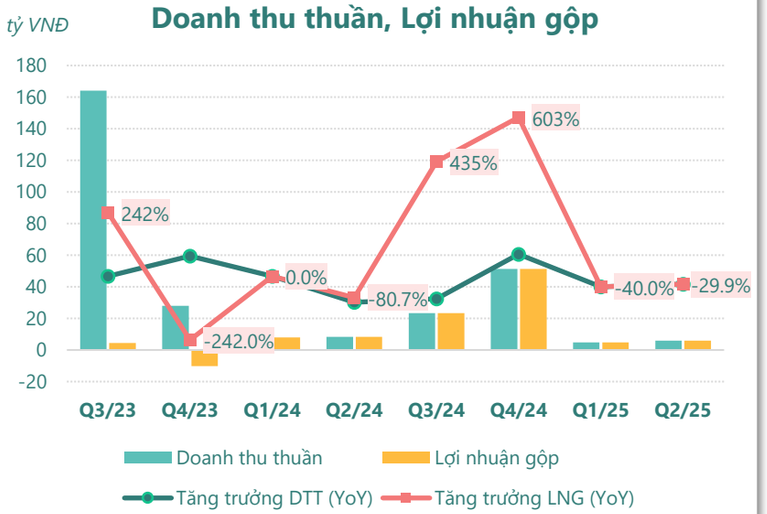


- Nguyễn Thanh Sơn
- America LLC
- Nguyễn Đức Hải (Chủ tịch HĐQT)
- Vũ Tiến Việt (Thành viên HĐQT)
- PYN Elite Fund (Non-Ucits)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

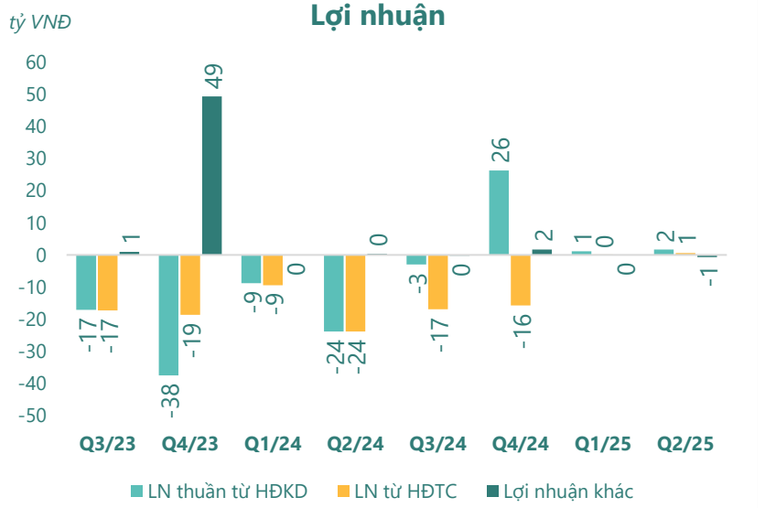
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



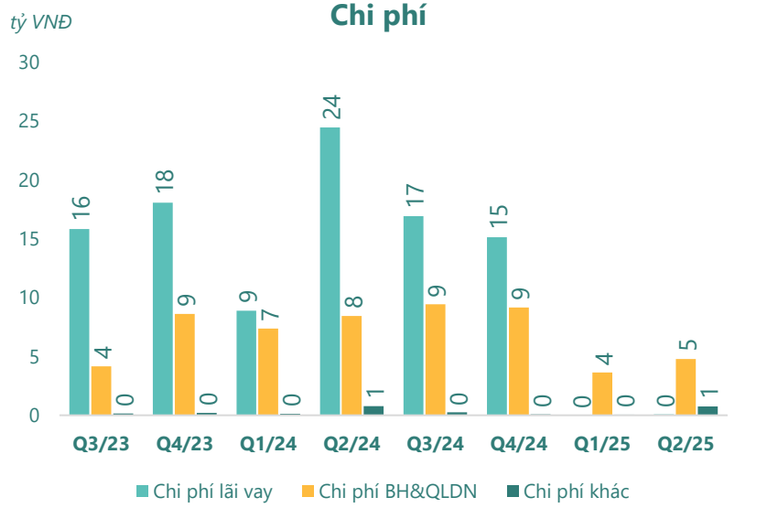
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



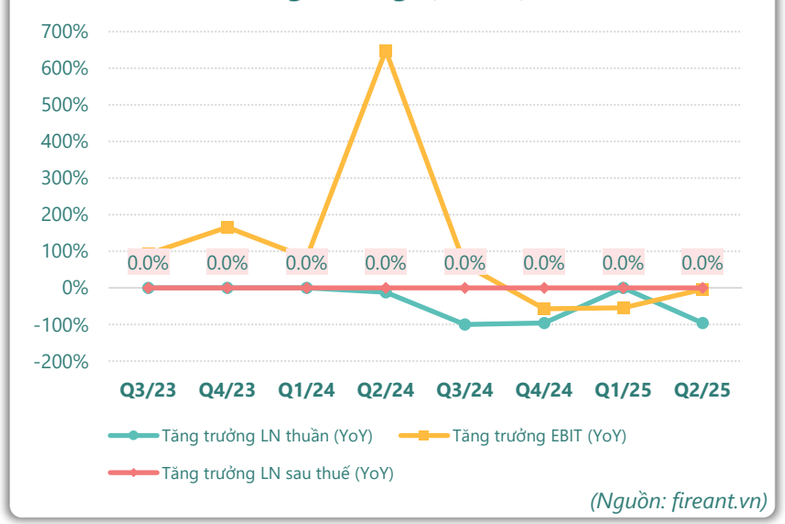
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



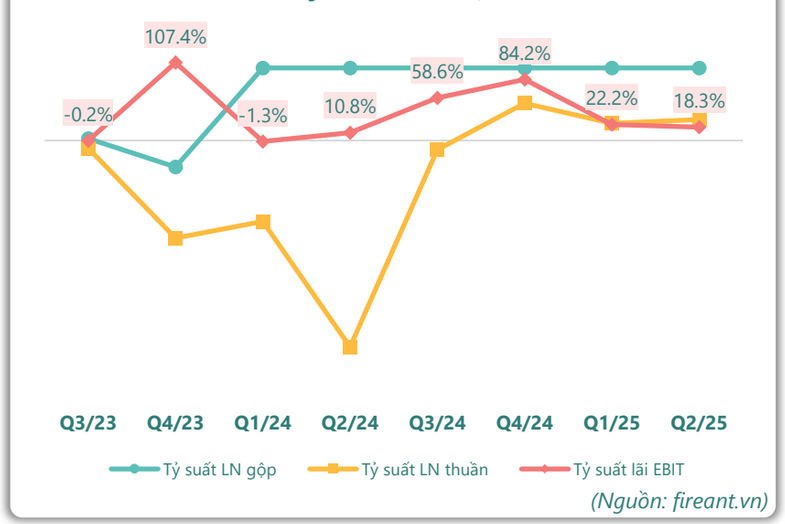
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



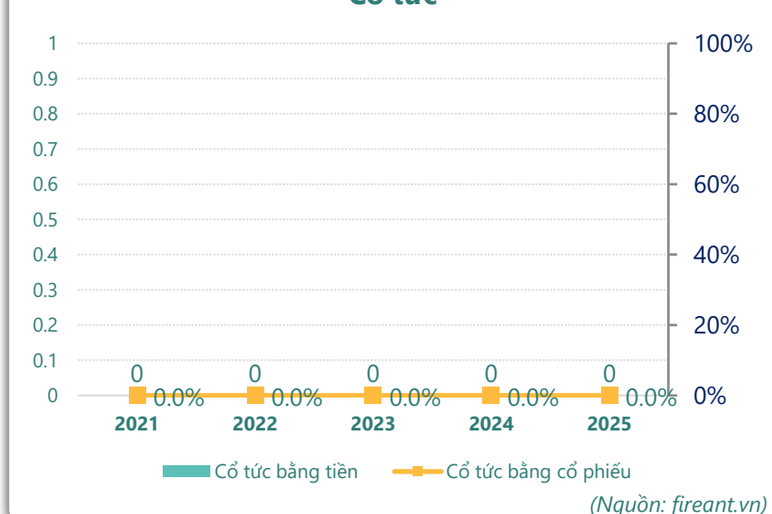
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

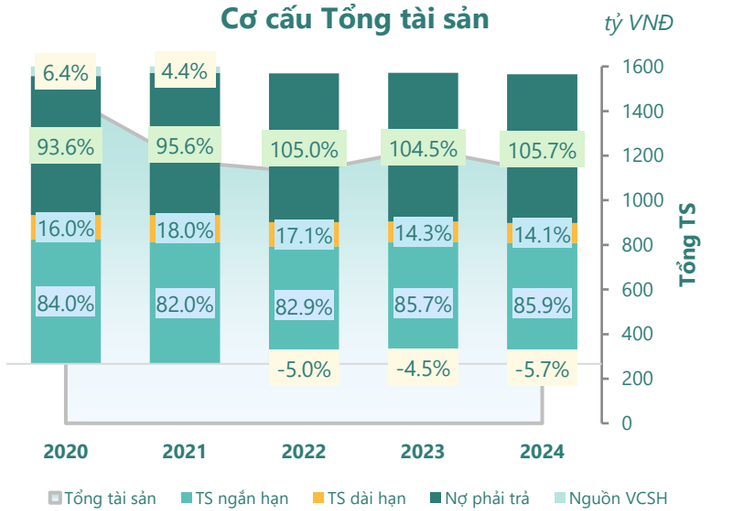
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

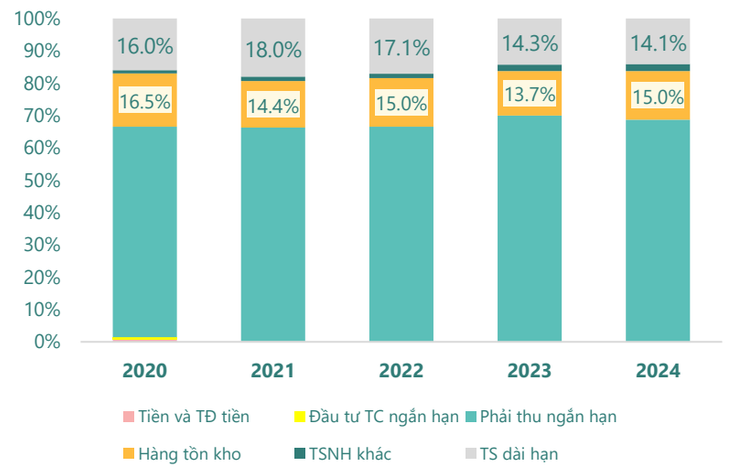
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



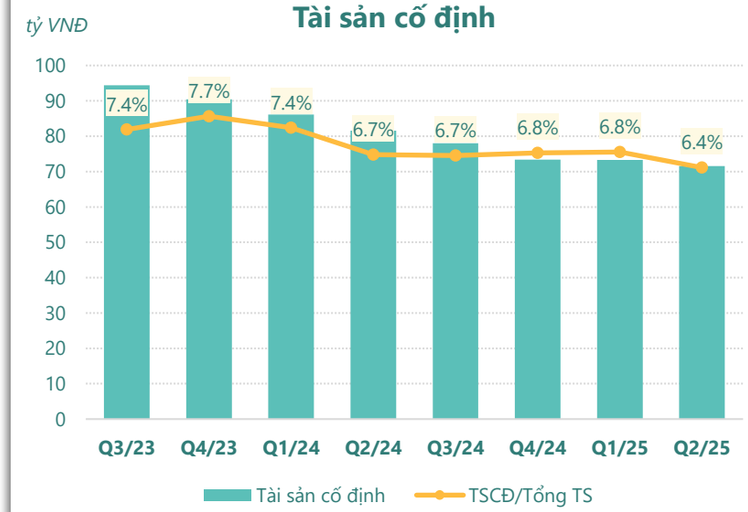
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



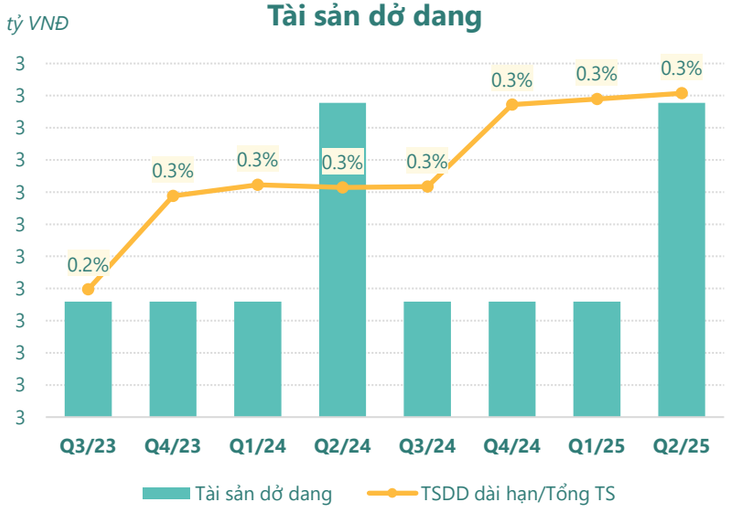
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



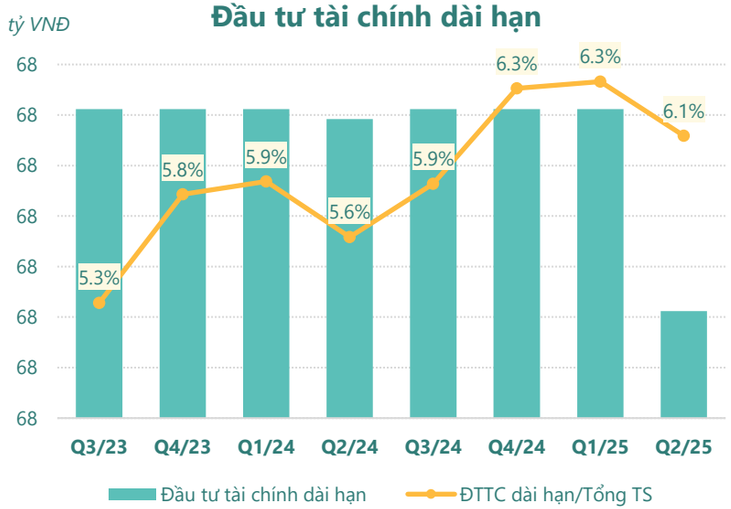
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



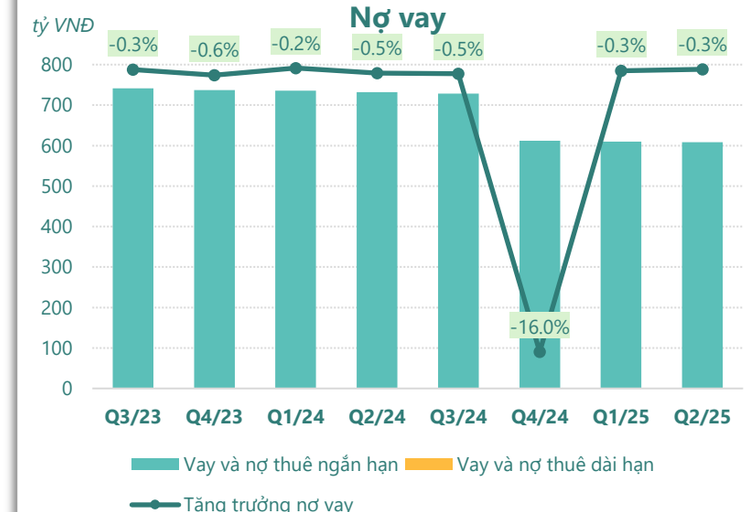
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

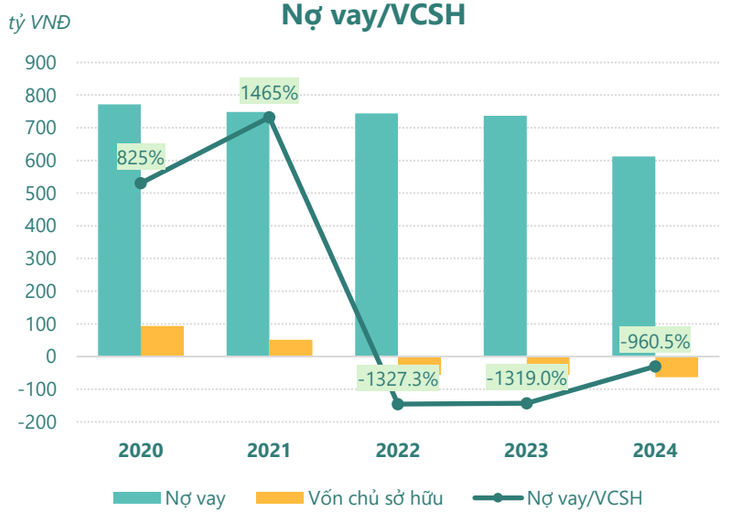
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



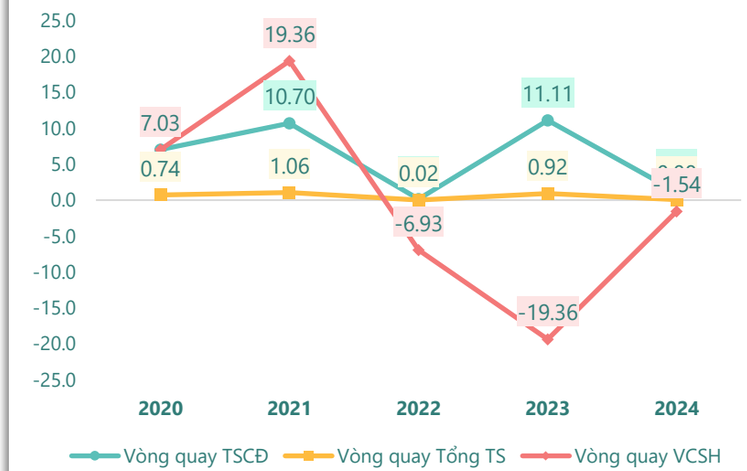
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



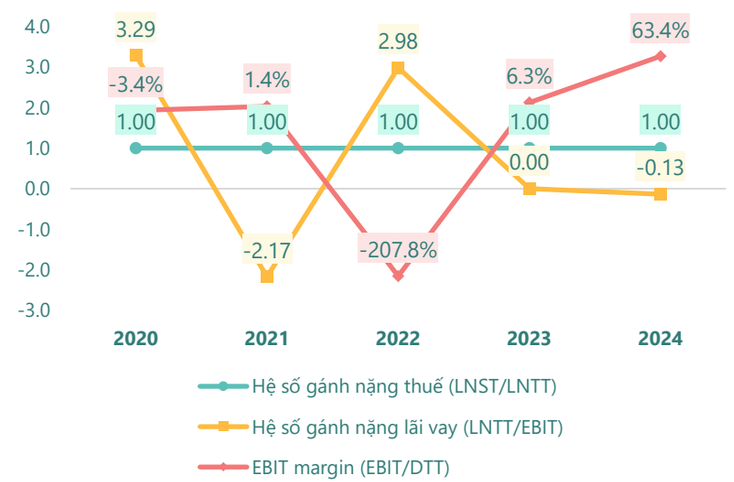
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



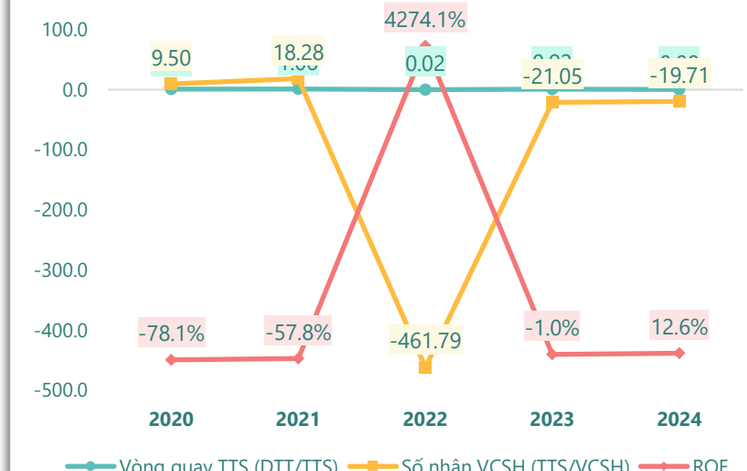
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



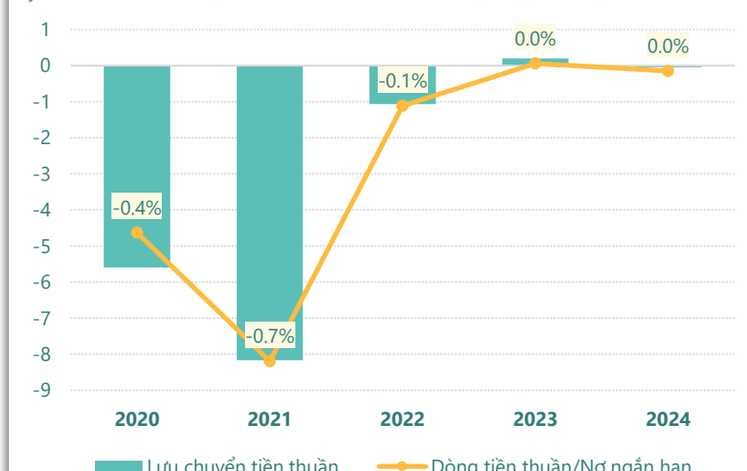
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**5.88**	**8.39**	**-29.9%**	**10.7**	**16.3**	**-34.8%**
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận gộp	5.88	8.39	-29.9%	10.7	16.3	-34.8%
Doanh thu HĐTC	0.70	0.00		0.70	0.11	533%
Chi phí TC	0.09	23.8	-99.6%	0.09	33.4	-99.7%
Chi phí lãi vay	0.08	24.5	-99.7%	0.08	33.4	-99.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.09	0.06	49.0%	0.20	0.15	34.9%
Chi phí QLDN	**4.71**	**8.37**	**-43.8%**	**8.25**	**15.7**	**-47.3%**
LN thuần từ HĐKD	1.69	-23.9	107%	2.82	-32.7	109%
Lợi nhuận khác	**-0.70**	**0.30**	**-333%**	**-0.76**	**0.16**	**-577%**
LN trước thuế	1.00	-23.6	104%	2.05	-32.6	106%
Lợi nhuận sau thuế	**1.00**	**-23.6**	**104%**	**2.05**	**-32.6**	**106%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.16**	**-23.4**	**105%**	**2.22**	**-32.4**	**107%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.63	2.83	3.62	116	2.13	2.63
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.20	-3.35	-3.68	-116	-2.08	-1.55
Tiền đầu kỳ	1.23	1.65	0.12	1.14	1.25	1.30
Lưu chuyển tiền thuần	**0.43**	**-0.52**	**-0.06**	**0.02**	**0.04**	**1.08**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.65	0.12	1.14	1.16	1.30	2.38

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,118**	**1,127**	**-0.8%**
Tài sản ngắn hạn	961	968	-0.7%
Tiền và tương đương tiền	2.24	1.25	78.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	765	774	-1.1%
Hàng tồn kho	169	169	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	24.6	24.4	0.5%
Tài sản dài hạn	**157**	**159**	**-1.3%**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	71.6	73.4	-2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.06	3.06	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	68.0	68.1	-0.3%
Tài sản dài hạn khác	**14.6**	**14.7**	**-0.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,180	1,191	-0.9%
Nợ ngắn hạn	**1,180**	**1,191**	**-0.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	608	612	-0.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	96.5	98.4	-1.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-61.7**	**-63.7**	**3.2%**
Vốn chủ sở hữu	**-61.7**	**-63.7**	**3.2%**
Vốn điều lệ	266	266	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)